TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH ANGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02 – 6 – 2020

"V/v ly hôn giữa
Anh M và chị Ng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Lũy

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lê Hoàng M – sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 06, tổ 01, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: chị Phan Thị Ng – sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-3-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Hoàng M trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: năm 2003 anh và chị Phan Thị Ng tìm hiểu về tình cảm được 06 tháng, đến cuối năm 2003 anh và chị Ng tự nguyện sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp nhau về cách sống và anh chị ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh M yêu cầu ly hôn chị Ng.

+ Về nuôi con chung: anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Thúy Vy, sinh ngày 10-11-2005; Lê Quốc Huy, sinh ngảy 05-9-2009, cả hai con do Anh M nuôi dưỡng. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng.

+ Về chia tài sản: anh chị có nền đất thổ cư (bỏ trống) ngang 04m dài 36m và 5.000m^2 đất nông nghiệp, hai mảnh đất này tại xã T, huyện T, tỉnh An Giang, Anh M đang quản lý sử dụng, không yêu cầu chia.

- Chị Phan Thị Ng trình bày: chị thống nhất như trình bày trên của Anh M, chị và Anh M chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Nay Anh M yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn; về con chung, chị đồng ý giao hai con cho Anh M trực tiếp nuôi dưỡng; tài sản là hai mảnh đất nêu trên Anh M đang quản lý sử dụng nuôi con, chị không yêu cầu chia.

Về nợ chung: Anh M và chị Ng khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, anh Lê Hoàng M yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Ng, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị không công nhận Anh M và chị Ng là vợ chồng; nuôi con chung, đề nghị giao hai con chung cho Anh M nuôi, Anh M không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng là tự nguyện của anh; đương sự không yêu cầu chia tài sản và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí Anh M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Lê Hoàng M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Ng, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Hoàng M và chị Phan Thị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Anh M và chị Ng.

[2] Về nội dung:

[3] Cuối năm 2003 anh Lê Hoàng M và chị Phan Thị Ng sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng lý kết hôn theo luật định, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, Hội đồng xét xử không công nhận anh Lê Hoàng M và chị Phan Thị Ng là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: Anh M và chị Ng thống nhất Anh M được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Lê Thị Thúy Vy và Lê Quốc Huy, do Anh M đang nuôi dưỡng. Anh M không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện của anh, chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chị Ng được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản chung: hai bên đương sự không yêu cầu chia, Tòa án không đề cập.

[7] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của Anh M và chị Ng thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: không công nhận anh Lê Hoàng M và chị Phan Thị Ng là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Lê Thị Thúy Vy, sinh ngày 10-11-2005; Lê Quốc Huy, sinh ngảy 05-9-2009, cả hai con do anh Lê Hoàng M nuôi dưỡng. Chị Phan Thị Ng không cấp dưỡng nuôi con;

2.2. Chị Phan Thị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của Anh M và chị Ng thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Án phí án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Lê Hoàng M phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006751 ngày 13-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ - ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án DS H.Phú Tân;
- Lưu.

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**